

Số: /2026/QĐ-UBND

Cần Thơ, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Quy định danh mục các khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo trong cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Cần Thơ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 123/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 66/2026/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định danh mục các khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo trong cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định danh mục các khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo trong cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

2. Đối tượng áp dụng

Cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trẻ em mầm non, học sinh, học viên đang học tại các cơ sở giáo dục này và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan

Điều 2. Danh mục các khoản thu, mức thu

Mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Cần Thơ, như sau:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức trần (nghìn đồng)
1	Dịch vụ ăn uống, bán trú cấp mầm non		
a	Dịch vụ ăn uống bữa sáng	Ngày/trẻ em	17
b	Dịch vụ ăn uống bán trú (bao gồm bữa ăn chính và bữa phụ (bữa xế))	Ngày/trẻ em	33
c	Dịch vụ bán trú	Tháng/trẻ em	Xã: 350 Phường: 450
2	Dịch vụ ăn uống, bán trú cấp tiểu học		
a	Dịch vụ ăn uống bán trú (bao gồm bữa ăn chính và bữa phụ (bữa xế))	Ngày/học sinh	40
b	Dịch vụ bán trú	Tháng/học sinh	Xã: 320 Phường: 400
3	Dịch vụ ăn uống, bán trú cấp Trung học cơ sở		
a	Dịch vụ ăn uống bán trú (bao gồm bữa ăn chính và bữa phụ (bữa xế))	Ngày/học sinh	40
b	Dịch vụ bán trú	Tháng/học sinh	Xã: 320 Phường: 350
4	Dịch vụ trông giữ, chăm sóc trẻ em mầm non các ngày nghỉ, nghỉ hè	Ngày/ trẻ em	60
5	Dịch vụ trông giữ, chăm sóc học sinh tiểu học các ngày nghỉ, nghỉ hè	Ngày/học sinh	50
6	Hoạt động ngoại khóa, kỹ năng sống		
a	Kỹ năng sống	Tiết/học sinh, học viên	Xã: 18 Phường: 20
b	Hoạt động ngoại khóa	Tiết/trẻ em, học sinh, học viên	Xã: 38 Phường: 40

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức trần (nghìn đồng)
7	Dịch vụ công nghệ, học tập số	Tiết/Trẻ em, học sinh, học viên	Xã: 45 Phường: 50
8	Dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục khác (Dịch vụ ký túc xá trường chuyên)	Tháng/học sinh	130

Điều 3. Cơ chế quản lý thu, chi

1. Việc quản lý thu, chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí phải thực hiện đúng quy định, mang tính chất phục vụ, không mang tính kinh doanh; phải công khai theo quy định pháp luật.

2. Hạch toán các khoản thu, chi và thực hiện công khai theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật.

3. Căn cứ mức trần quy định tại Điều 2 Quyết định này, tùy vào điều kiện cơ sở vật chất và tinh thần tự nguyện của cha mẹ trẻ em, học sinh, học viên, hằng năm, các cơ sở giáo dục xây dựng dự toán chi phí để xác định mức thu cụ thể (mức thu được tính toán thực tế trên cơ sở quy mô về giáo viên, học sinh,...), đảm bảo không cao hơn 10% so với mức thu tại cơ sở giáo dục đang thực hiện và không vượt mức trần tại Điều 2 Quyết định này.

Điều 4. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Thủ trưởng các Sở, ngành thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB&TCTHPL);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- TT. TU, TT. HĐND TP;
- PCT UBND TP;
- UBND TP và TCCT-XH TP;
- Sở, ban ngành TP;
- UBND xã, phường;
- Công báo TP;
- VP UBND TP (3C);
- Công TTĐT TP;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

